CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Habeco - Hải Phòng

Ngày 30/09/2024	5,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.3%	**-3.3%**	**-7.9%**

DT thuần
Q3/24
42.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -23.6%
YoY: ▼13.3| -24.0%

LN thuần
Q3/24
-3.41
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.67| 16.4%
YoY: ▼3.85| -875%

LN sau thuế
Q3/24
-3.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.44| 11.9%
YoY: ▼4.05| -547%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
-7.9%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/24
-1.3%
YoY: +/-▼ 2.5%

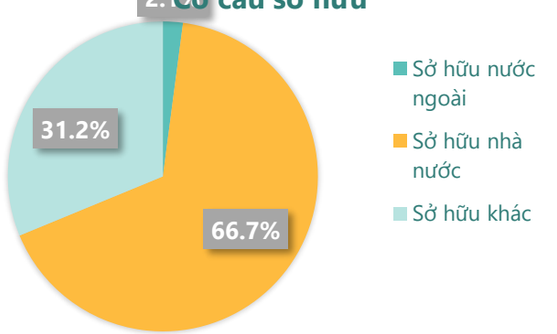
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,100 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
Số lượng CPLH (CP)	16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	810
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	(0.47)
EPS	-130
P/E	-44.5

DT thuần
9T 2024
135
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00| 3.5%

LN thuần
9T 2024
-12.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.96| -29.5%

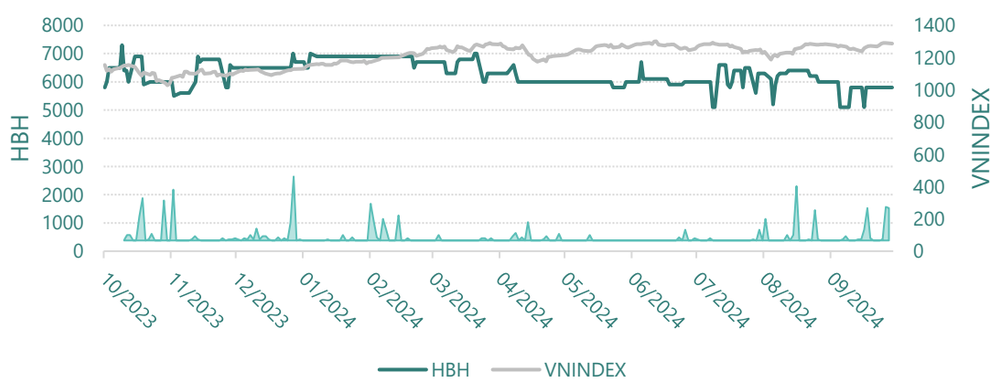
LN sau thuế
9T 2024
-12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.99| -32.9%

Cơ cấu sở hữu

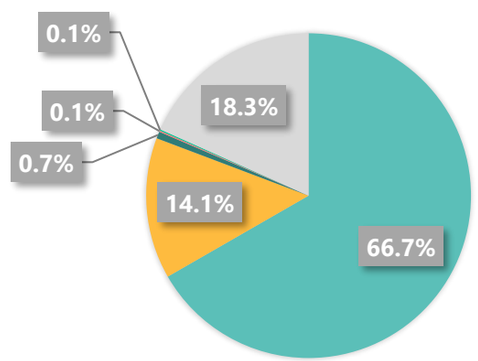


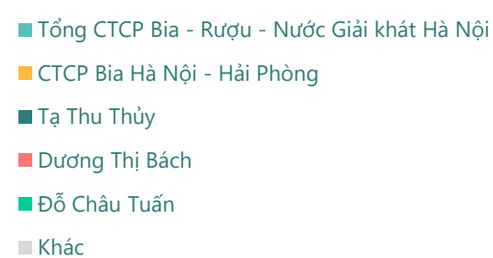
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

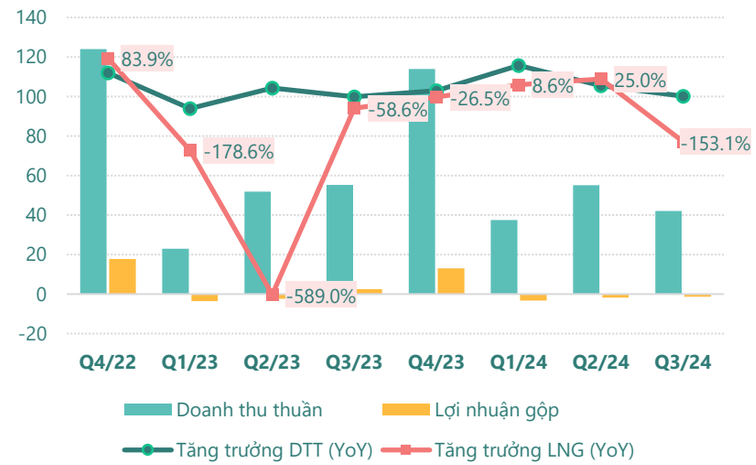




(Nguồn: fireant.vn)

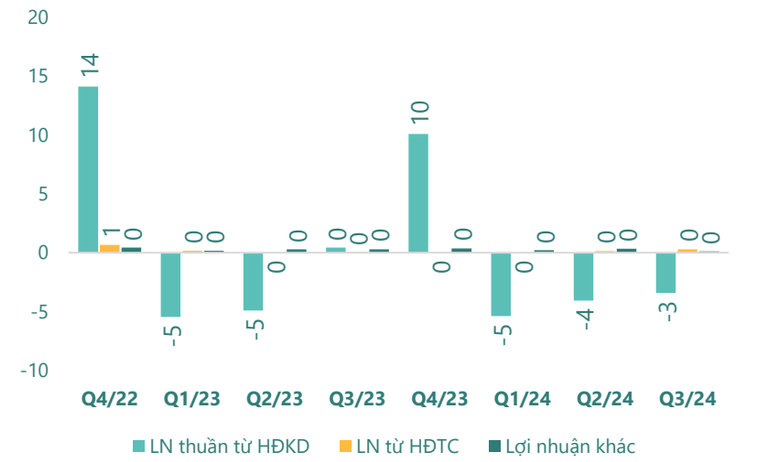
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



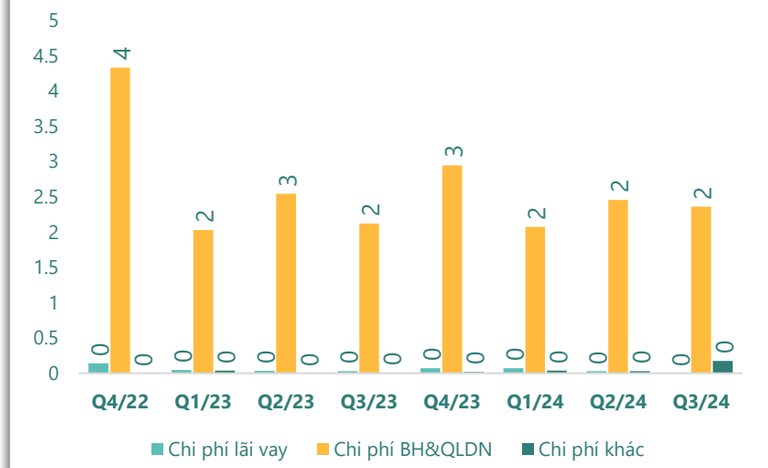
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



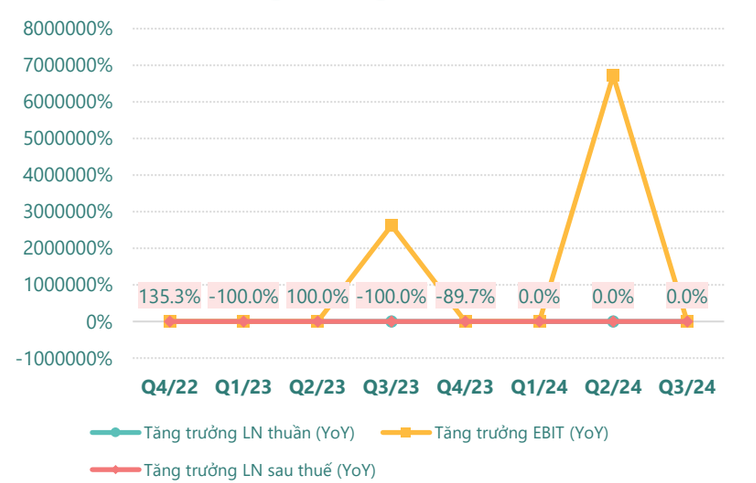
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



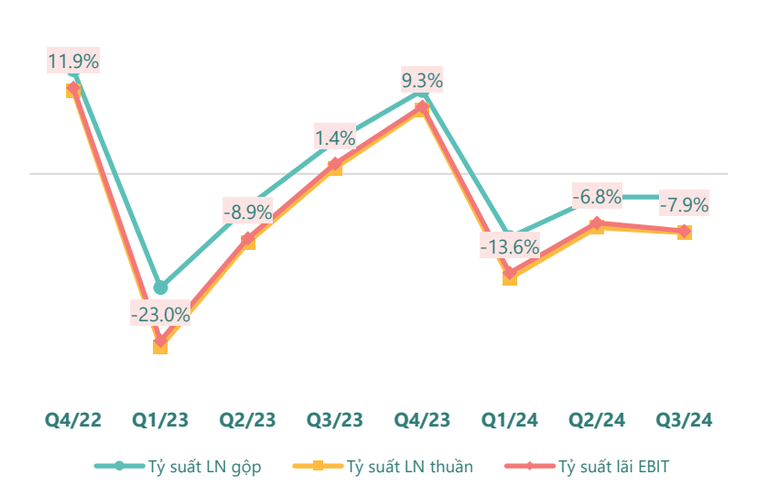
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



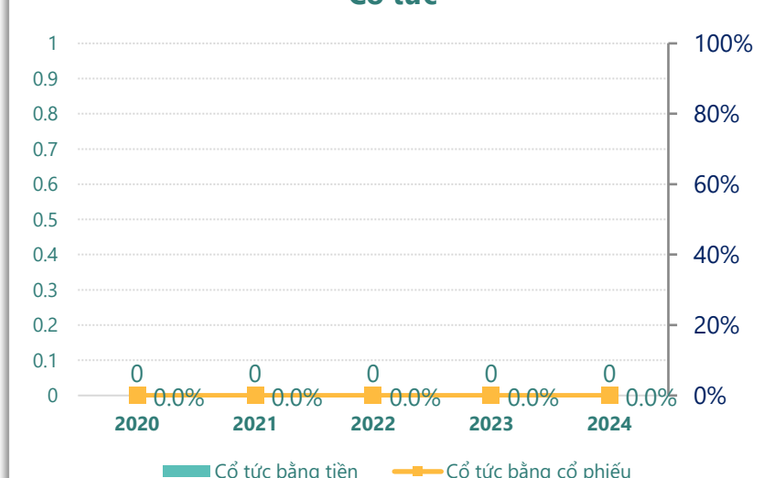
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

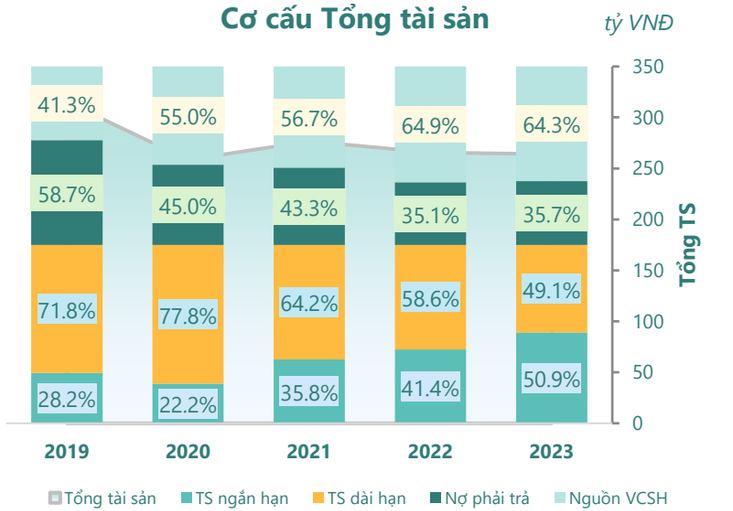
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

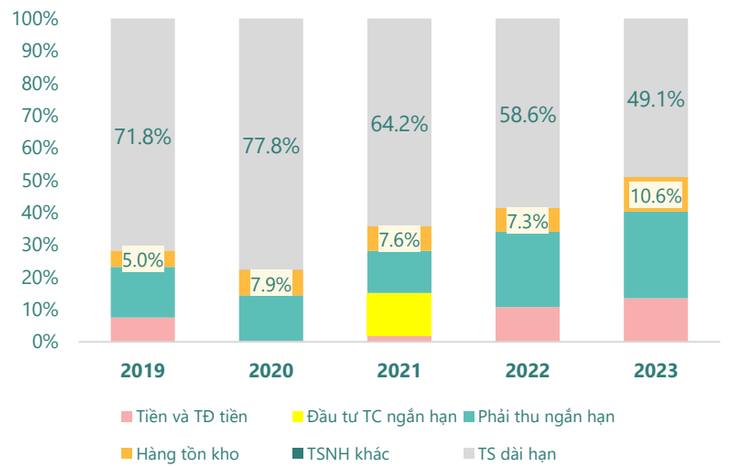
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



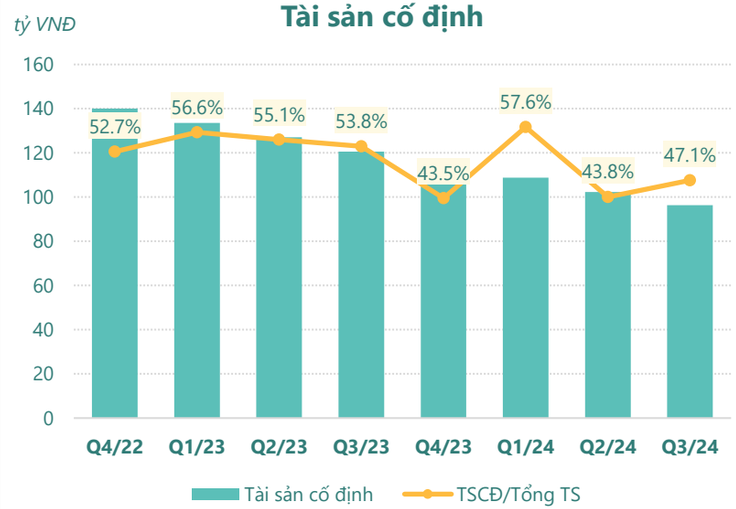
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



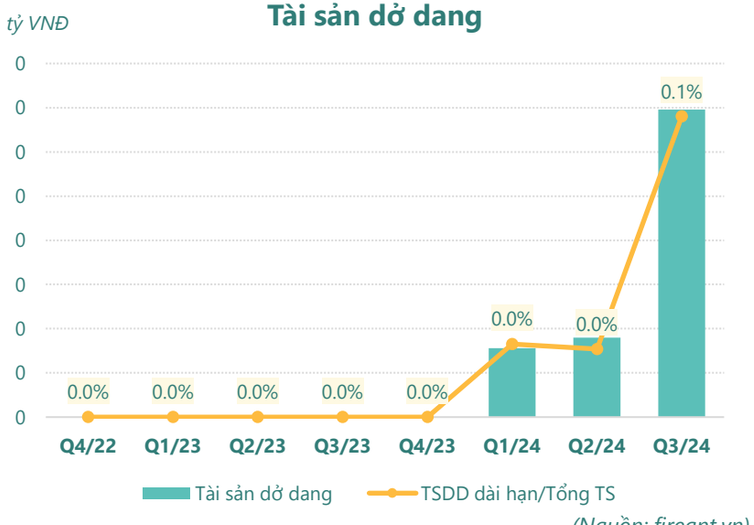
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



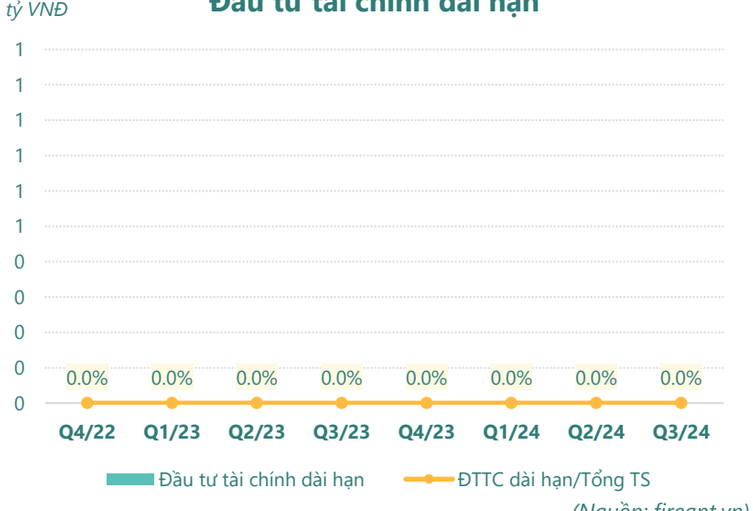
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



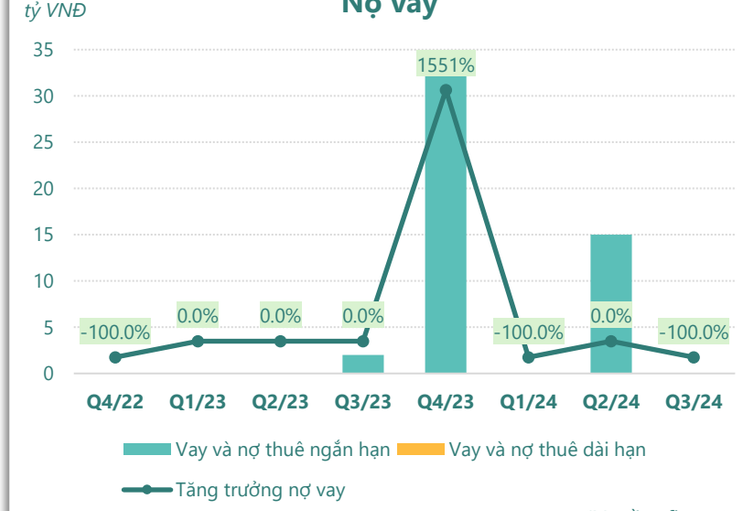
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

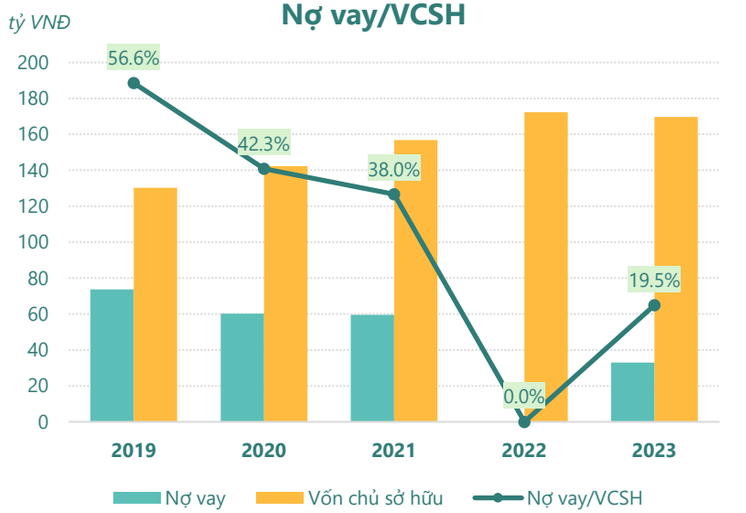
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

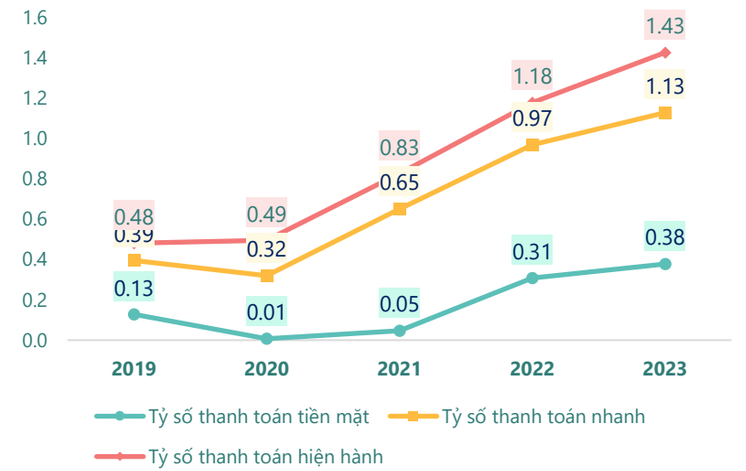
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



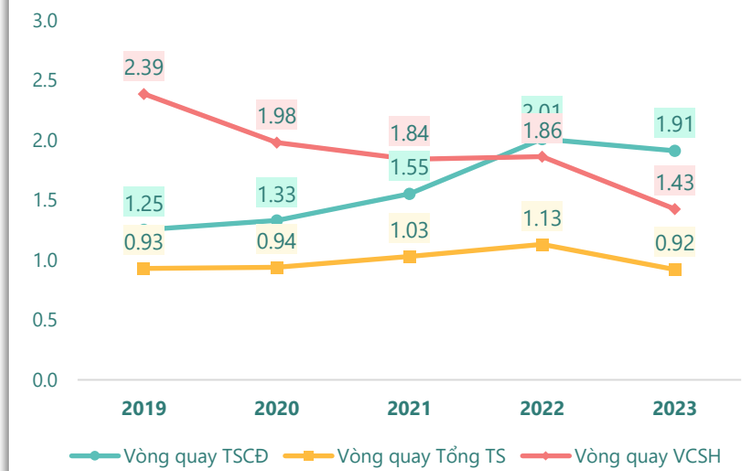
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



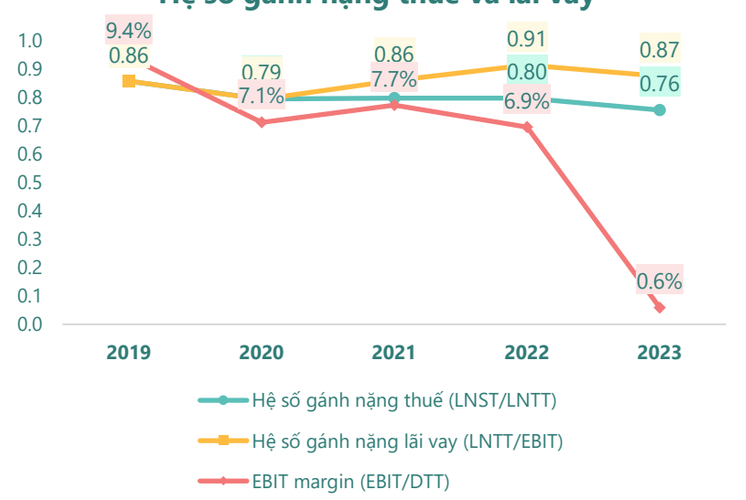
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



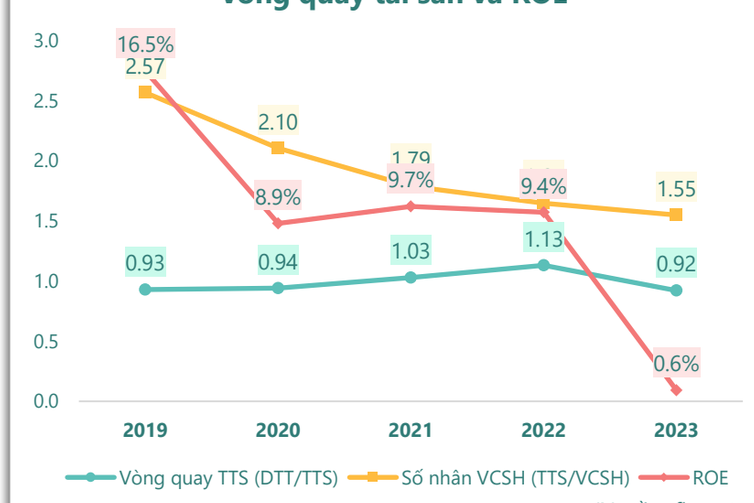
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



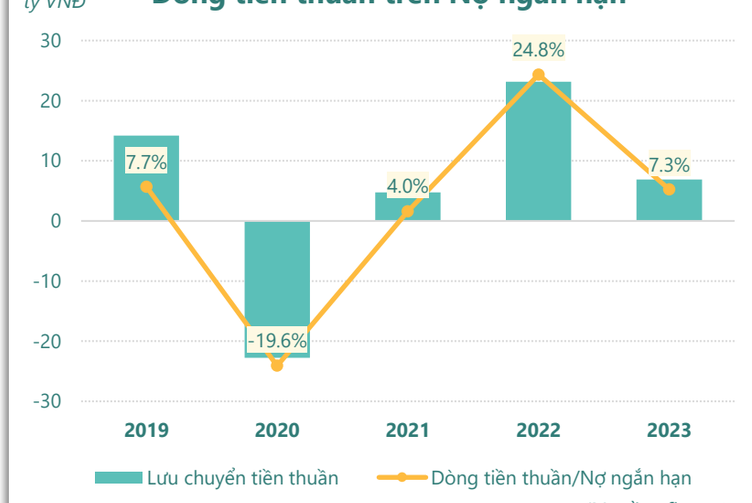
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**42.0**	**55.3**	**-24.0%**	**135**	**130**	**3.5%**
Giá vốn hàng bán	43.4	52.8	-17.9%	141	133	5.6%
Lợi nhuận gộp	-1.34	2.52	-153%	-6.38	-3.41	-87.1%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.07	314%	0.49	0.27	81.8%
Chi phí TC	0	0.03	-100%	0.10	0.11	-6.3%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0.10	0.11	-6.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.22	0.23	-6.5%	0.61	0.73	-16.4%
Chi phí QLDN	**2.15**	**1.89**	**13.5%**	**6.28**	**5.96**	**5.3%**
LN thuần từ HĐKD	-3.41	0.44	-875%	-12.9	-9.94	-29.5%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**0.30**	**-64.9%**	**0.64**	**0.73**	**-12.7%**
LN trước thuế	-3.31	0.74	-547%	-12.2	-9.21	-32.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.31**	**0.74**	**-547%**	**-12.2**	**-9.21**	**-32.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.31**	**0.74**	**-547%**	**-12.2**	**-9.21**	**-32.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.24	1.02	-4.37	8.72	31.7	7.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.07	-0.84	-0.19	0.13	-0.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	2.00	31.0	-33.0	15.0	-15.0
Tiền đầu kỳ	15.0	6.72	9.82	35.6	11.1	57.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.24**	**3.09**	**25.8**	**-24.5**	**46.8**	**-7.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.72	9.82	35.6	11.1	57.9	50.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**205**	**264**	**-22.5%**
Tài sản ngắn hạn	96.3	135	-28.4%
Tiền và tương đương tiền	50.4	35.6	41.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	21.3	70.8	-69.9%
Hàng tồn kho	24.2	28.1	-13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.29	0.04	712%
Tài sản dài hạn	**108**	**130**	**-16.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	96.3	115	-16.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.14	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.9**	**14.5**	**-18.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.1	94.3	-50.1%
Nợ ngắn hạn	**47.1**	**94.3**	**-50.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	33.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	10.2	45.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**157**	**170**	**-7.2%**
Vốn chủ sở hữu	**157**	**170**	**-7.2%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)